VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 07.01.2025 16:02:49 +07:00

TTĐT CV

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2025*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: C
Ngày: 07/01/2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Tờ trình số 12799/TTr-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2024 và văn bản số 14231/BGTVT-KHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024) về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung liên quan đến hệ thống đường cao tốc

a) Điều chỉnh quy mô 04 tuyến/đoạn tuyến: Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01) đoạn Pháp Vân - Phú Thứ (Hà Nam), đoạn Bến Lức (Long An) - Trung Lương (Tiền Giang), đoạn Cần Thơ - Cà Mau và cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long.

b) Bổ sung quy hoạch mới 02 tuyến: Cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum.

c) Điều chỉnh phạm vi 04 tuyến/đoạn tuyến: Cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài.

d) Điều chỉnh tiến trình đầu tư 07 tuyến/đoạn tuyến: Cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Ngọc Hồi - Gia Nghĩa, cao tốc Sơn La - Điện Biên, cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng, cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh đoạn Quy Nhơn - Pleiku, cao tốc Gò Dầu - Xa Mát, cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh đoạn cửa khẩu Dinh Bà - Cao Lãnh và đoạn An Hữu - Trà Vinh.

(Chi tiết điều chỉnh các tuyến cao tốc tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này)

2. Điều chỉnh phạm vi của 03 quốc lộ: Quốc lộ 13C, quốc lộ 57B, quốc lộ 57C (Chi tiết điều chỉnh các quốc lộ tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

3. Hiệu chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN. pvc 100

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01): 2.063 km

TT	Tuyến	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô quy hoạch (làn xe)	Tiến trình đầu tư	
				Trước 2030	Sau 2030
II	**Phân đoạn thành phố Hà Nội - Cần Thơ**	**1.772**			
1	Pháp Vân - Cầu Giẽ (Hà Nội)	30			
	Pháp Vân - Vành đai 4		12	x	
	Vành đai 4 - Cầu Giẽ		10	x	
2	Cầu Giẽ - Ninh Bình	50			
	Cầu Giẽ - Phú Thứ		10	x	
29	Bến Lức (Long An) - Trung Lương (Tiền Giang)	40			
	Bến Lức - Vành đai 4		12	x	
	Vành đai 4 - Trung Lương		10	x	
III	**Cần Thơ - Cà Mau**	**124**			
1	Cầu Cần Thơ 2 và đường dẫn 2 đầu cầu	15	6	x	
2	Cần Thơ - Cà Mau	109	6	x	

2. Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây [1] (CT.02): 1.205 km

TT	Tuyến cao tốc	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô quy hoạch (làn xe)	Tiến trình đầu tư	
				Trước 2030	Sau 2030
II	**Đoạn Ngọc Hồi - Chơn Thành - Rạch Giá**	**759**			
12	Ngọc Hồi (Kon Tum) - Pleiku (Gia Lai)	90	6		x
13	Pleiku (Gia Lai) - Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	160	6		x
14	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (Đắk Nông)	105	6		x

[1] Đường Hồ Chí Minh tiêu chuẩn đường cao tốc (Nghị quyết số 66/2013/QH13 ngày 29/11/2013)

3. Các tuyến đường bộ cao tốc khu vực phía Bắc: 2.313 km

TT	Tuyến cao tốc	Các đoạn tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô (làn xe)	Tiến trình đầu tư	
							Trước 2030	Sau 2030
1	Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên (CT.03)	TP. Sơn La (Sơn La) - Điện Biên	TP. Sơn La	Cửa khẩu Tây Trang, Điện Biên	200	4	x	
5	Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (CT.07)	Bắc Kạn - Cao Bằng	TP. Bắc Kạn	TP. Cao Bằng	90	4	x	
6	Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08)	Ninh Bình - Hải Phòng	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Yên Mô, Ninh Bình	Đường Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	117	4	x	
7	Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long (CT.09)	Nội Bài - Bắc Ninh	Đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, Sóc Sơn	TP. Bắc Ninh	30	6	x	
		Bắc Ninh - Hải Dương	TP. Bắc Ninh	Quế Võ, Bắc Ninh	22	6	x	
		Hải Dương - Hạ Long	Quế Võ, Bắc Ninh	Đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, TP. Hạ Long	94	6	x	
13	Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15)	Tuyên Quang - Hà Giang	Đường Hồ Chí Minh, Tuyên Quang	Cửa khẩu Thanh Thủy, Hà Giang	165	4	x	

4. Các tuyến đường bộ cao tốc khu vực miền Trung - Tây Nguyên: 1.496 km.

TT	Tuyến cao tốc	Các đoạn tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô (làn xe)	Tiến trình đầu tư	
							Trước 2030	Sau 2030
3	Cam Lộ - Lao Bảo (CT.19)	Cam Lộ - Lao Bảo	Triệu Phong, Quảng Trị	Cửa khẩu Lao Bảo, Quảng Trị	56	4	x	
4	Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20)	Quy Nhơn - Pleiku	An Nhơn, Bình Định	Thành phố Pleiku, Gia Lai	123	4	x	
11	Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42)	Quảng Ngãi - Kon Tum	Cao tốc Bắc - Nam phía Đông	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây	136	4	x	

5. Các tuyến đường bộ cao tốc khu vực phía Nam: 1.380 km

TT	Tuyến cao tốc	Các đoạn tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô (làn xe)	Tiến trình đầu tư	
							Trước 2030	Sau 2030
5	Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Tây Ninh) (CT.31)	Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Tây Ninh)	Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	Bến Cầu, Tây Ninh	50	6	x	
6	Gò Dầu - Xa Mát (CT.32)	Gò Dầu - Xa Mát	Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Tây Ninh	Cửa khẩu Xa Mát, Tây Ninh	65	4	x	
10	Hồng Ngự (Đồng Tháp) - Trà Vinh (CT.36)	Cửa khẩu Dinh Bà - Cao Lãnh	Cửa khẩu Dinh Bà, Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	68	4	x	
		An Hữu (Tiền Giang) - Trà Vinh [2]	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông	Cảng Định An, Trà Vinh	90	4	x	
11	Cà Mau - Đất Mũi (CT.43)	Cà Mau - Đất Mũi	TP. Cà Mau	Ngọc Hiển, Cà Mau	90	4	x	

[2] Chiều dài không bao gồm đoạn đi trùng với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC TUYẾN QUỐC LỘ

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

7. Các quốc lộ thứ yếu khu vực phía Nam: 3.124 km

TT	Tên quốc lộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
4	Quốc lộ 13C	ĐT.741, TP. Đồng Xoài, Bình Phước	Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương	71	III, 2-4 làn xe
17	Quốc lộ 57B	Quốc lộ 57, Chợ Lách, Bến Tre	Bình Đại, Bến Tre	87	III-IV, 2-4 làn xe
18	Quốc lộ 57C	Quốc lộ 57B, Châu Thành, Bến Tre	Ba Tri, Bến Tre	64	III-IV, 2-4 làn xe

Phụ lục III

HIỆU CHỈNH MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1454/QĐ-TTg NGÀY 01 THÁNG 9 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Hiệu chỉnh đổi một số nội dung mục II.1 Điều 1 như sau:

- Hiệu chỉnh dòng thứ nhất mục II.1: "Mạng lưới đường bộ cao tốc được quy hoạch 43 tuyến, tổng chiều dài khoảng 9.177 km, cụ thể:".

- Hiệu chỉnh gạch đầu dòng thứ nhất mục II.1.a: "Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ cửa khẩu Hữu Nghị, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, chiều dài khoảng 2.063 km, quy mô từ 6 đến 12 làn xe (Chi tiết tại Phụ lục I, mục 1)".

- Hiệu chỉnh mục II.1.b: "Khu vực phía Bắc, gồm 14 tuyến, chiều dài khoảng 2.313 km, quy mô từ 4 đến 6 làn xe (Chi tiết điều chỉnh tại Phụ lục I, mục 3)".

- Hiệu chỉnh mục II.1.c: "Khu vực miền Trung và Tây Nguyên, gồm 11 tuyến, chiều dài khoảng 1.496 km, quy mô từ 4 đến 6 làn xe (Chi tiết điều chỉnh tại Phụ lục I, mục 4)".

- Hiệu chỉnh mục II.1.d: "Khu vực phía Nam, gồm 11 tuyến, chiều dài khoảng 1.380 km, quy mô từ 4 đến 10 làn xe (Chi tiết điều chỉnh tại Phụ lục I, mục 5)".

2. Hiệu chỉnh đổi một số nội dung mục II.2 Điều 1 như sau:

- Hiệu chỉnh dòng thứ nhất mục II.2: "Mạng lưới quốc lộ gồm 172 tuyến, tổng chiều dài khoảng 29.780 km, cụ thể".

- Hiệu chỉnh gạch đầu dòng thứ hai mục II.2.d: "Khu vực phía Nam, Tuyến quốc lộ thứ yếu, gồm 27 tuyến, chiều dài khoảng 3.124 km, quy mô quy hoạch tối thiểu cấp III, 2 đến 4 làn xe (Chi tiết tại Phụ lục II, mục 7)".

3. Sửa đổi mục III.4 Điều 1: "Các tuyến đường địa phương được quy hoạch thành quốc lộ trong quyết định này chỉ nâng lên quốc lộ sau khi được đầu tư bảo đảm quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch hoặc không thấp hơn quy mô đường cấp IV, 2 làn xe".

4. Bổ sung mục III.6 Điều 1: "6. Vị trí cụ thể của điểm đầu, điểm cuối và hướng tuyến của các tuyến đường bộ được xác định trong quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ".

5. Hiệu chỉnh đổi mục V.2 Điều 1: "Nhu cầu sử dụng đất: Diện tích đất chiếm dụng của quy hoạch mạng lưới đường bộ là 203.445 héc ta, trong đó diện tích đã chiếm dụng khoảng 97.273 héc ta, nhu cầu diện tích cần bổ sung thêm khoảng 106.172 héc ta".

6. Sửa đổi một số nội dung mục VIII Điều 1:

- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba mục VIII.1; bãi bỏ gạch đầu dòng thứ hai mục VIII.7.

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ tư mục VIII.7: "Khai thác có hiệu quả nguồn lực từ tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thông qua việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; các địa phương nghiên cứu, triển khai cơ chế thu từ khai thác quỹ đất vùng phụ cận các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ".

7. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về "Danh mục các tuyến đường bộ cao tốc" và "Danh mục các tuyến quốc lộ" tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này./.